

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

			6301	Bảo hiểm xã hội	16.099.191	16.099.191	16.099.191	16.099.191													
			6302	Bảo hiểm y tế	2.841.034	2.841.034	2.841.034	2.841.034													
			6303	Kinh phí công đoàn	1.894.022	1.894.022	1.894.022	1.894.022													
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	844.201	844.201	844.201	844.201													
			6349	Các khoản đóng góp khác	473.506	473.506	473.506	473.506													
				Tổng cộng	5.631.976.974	5.631.976.974	5.631.976.974	5.631.976.974													
TRUNG TÂM GD-MT VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG BÌNH																					
380	338			I. Kinh phí	835.804.440	835.804.440	794.354.440	794.354.440									41.450.000	41.450.000			
			6000	Tiền lương	465.824.401	465.824.401	465.824.401	465.824.401													
			6001	Lương theo ngạch bậc	465.824.401	465.824.401	465.824.401	465.824.401													
			6050	Tiền công trả cho vị trí lao động	34.000.000	34.000.000											34.000.000	34.000.000			
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	30.000.000	30.000.000											30.000.000	30.000.000			
			6009	Tiền công khác	4.000.000	4.000.000											4.000.000	4.000.000			
			6100	Phụ cấp lương	92.358.002	92.358.002	92.358.002	92.358.002													
			6101	Phụ cấp chức vụ	12.870.002	12.870.002	12.870.002	12.870.002													
			6102	Phụ cấp làm	77.760.000	77.760.000	77.760.000	77.760.000													
			6113	Phụ cấp theo	1.728.000	1.728.000	1.728.000	1.728.000													
			6200	Tiền thưởng	4.291.000	4.291.000	4.291.000	4.291.000													
			6201	Thưởng thường xuyên	4.291.000	4.291.000	4.291.000	4.291.000													
			6250	Phúc lợi tập thể	9.320.000	9.320.000	9.320.000	9.320.000													
			6253	Tàu xe nghỉ phép năm	6.520.000	6.520.000	6.520.000	6.520.000													
			6299	Chi khác	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000													
			6300	Các khoản đóng góp	111.651.563	111.651.563	111.651.563	111.651.563									6.450.000	6.450.000			
			6301	Bảo hiểm xã hội	81.948.853	81.948.853	81.948.853	81.948.853									5.145.000	5.145.000			
			6302	Bảo hiểm y tế	14.360.832	14.360.832	14.360.832	14.360.832									900.000	900.000			
			6303	Kinh phí công đoàn	9.564.716	9.564.716	9.564.716	9.564.716													
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	3.954.496	3.954.496	3.954.496	3.954.496									330.000	330.000			
			6349	Các khoản đóng góp khác	1.822.666	1.822.666	1.822.666	1.822.666									75.000	75.000			
			6500	Thanh toán	32.310.316	32.310.316	32.310.316	32.310.316													
			6501	Tiền điện	29.526.156	29.526.156	29.526.156	29.526.156													
			6503	Tiền nhiên liệu	2.784.160	2.784.160	2.784.160	2.784.160													

[illegible]

[illegible]